

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+BK4+VSP01	7:25	18+3+0	0+0+0		13+2+7	0+0+0	
2		TD3+P6+AMD	7:25	2+3+16	0+0+0		0+0+21	0+0+0	
3		BK16+BK15+P4	7:25	0+0+20	0+0+0		0+1+21	0+0+0	Chuyen 1 BK16 BK15
4		RC6+RC4+RCDM+PVD2	7:25	2+0+0+16	0+0+0+0		0+0+0+22	0+0+0+0	Chuyen 6 RC4- RCMD
5		TGTH4+TGTH1+AMD	7:25	5+5+6	0+0+0		4+2+13	0+0+0	
6		CLO+P6+BK4	9:25	22+0+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	Chuyen 1 CLO- P6
7		TD1+P2+CTC1	9:25	18+3+0	0+0+0		9+9+1	0+0+0	Chuyen 4 P2- CTC1
8		P10+P5+TD1	9:25	2+8+11	0+0+0		0+7+15	0+0+0	
9		P3+BK3+P3	9:25	17+0+0	0+0+0		0+0+22	0+0+0	Chuyen 7 BK3- P3
10		P7+TGTH5+HSD	11:25	17+2+3	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
11		PVD2+P5+BK5	11:25	14+8+0	0+0+0		12+8+2	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Di về trong ngày BK4 - 3 người

2/ 1 người từ BK15 về bỏ chuyến 1, đi P10 vào chuyến 2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2021	TO: P4 - BK4 - VSP01	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MẠNH HÀ	P4	62	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO ĐỨC HÙNG	P4	63-64	2	8		52	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY THAI	P4	53	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LUÔNG HỮU HẬU	P4	65	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BẢO AN	P4	52	1	6	40	77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG VINH	P4	71	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THAI SƠN	P4	66	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	70	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI MINH TUÂN	P4	67	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ THẮNG	P4	68-69	2	12		88	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN NGỌC TUÂN	P4	59	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	54-55	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P4					67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ MẠNH DŨNG	P4	56	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU THAO	P4	58	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU VĂN ĐẠT	P4	60-61	2	18		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	57	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	BONDARENKO	BK4	60	1	4		98	KH-THAC	Russian
19	POPOV	BK4	62	1	4	35	72	KH-THAC	Russian
20	AVDEEV	BK4	61	1	3		118	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	17	20	121	1.169	40	13		
2	BK4	3	3	11	288	35	2		
3	VSP01	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		20	23	132	1.457	75	22		
WEIGHT KG				132	1.457	75			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD3 - P6 - AMD	CREW: Hôi - NPhú - Huy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TUYẾT	TD3	82	1	15	70	65	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐUNG	TD3	81	1	10		58	DVL	Vietnamese
3	ĐÀO ĐỨC ĐÔNG	P6	68-69	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH KIẾT	P6	71-72	2	17	40	75	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN CẨM	P6	70	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HIỆU	AMD	64-65	2	15		95	TLJOC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHÍNH	AMD	67	1	10		66	HLJOC	Vietnamese
8	HUYNH TÂN THANG	AMD	59-61	3	12		70	HLJOC	Vietnamese
9	HÀN QUỐC VŨ	AMD	69-70	2	15		82	HLJOC	Vietnamese
10	NGUYỄN CONG DANH	AMD	66	1	8		80	HLJOC	Vietnamese
11	CAO DỤC HẠNH	AMD	68	1	10		75	HLJOC	Vietnamese
12	K LỘC	AMD	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	48	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ VĂN SÁU	AMD	53	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT LÂM	AMD	52	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐOÀN DUÂN	AMD	47	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	62-63	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUANG LONG	AMD	49	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NHƯ BẢO CHUÔNG	AMD	50-51	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI THANH DAT	AMD	57-58	2	12		75	BIEN DON	Vietnamese
22	HUYNH VĂN THO	AMD	54-56	3	17		65	BIEN DON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

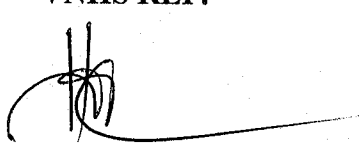
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	2	2	25	123	70	0		
2	P6	3	5	44	210	40	0		
3	AMD	17	26	159	1.208	0	21		
TOTAL		22	33	228	1.541	110	21		
WEIGHT KG				228	1.541	110			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: BK16 - BK15 - P4	CREW: Phong - VLinH - HIẾU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HOÀNG SANG	P4	92	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN KHOAI	P4	22	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HUY CHUÔNG	P4	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HÀ TÂN DŨNG	P4	99	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HỒNG TRUNG	P4	300	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	72	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI MẠNH CUÔNG	P4	23	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	76	1	3		60	KHI	Vietnamese
9	TA VĂN QUYNH	P4					73	KHI	Vietnamese
10	HOANG TRỌNG TÂN	P4	73	1	6		75	KHI	Vietnamese
11	LƯU VĂN KHUÔNG	P4	98	1	7		75	KHI	Vietnamese
12	HOANG VĂN TRUNG	P4	74-75	2	9		69	YTE	Vietnamese
13	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	31	1	9		75	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NAM	P4	24	1	2		76	PSV	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	29	1	2		79	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	25	1	3		54	PSV	Vietnamese
17	VÔ VĂN DŨNG	P4	27	1	4		63	PSV	Vietnamese
18	LƯU ĐÌNH THAI	P4	26	1	3		55	PSV	Vietnamese
19	HOANG NGỌC HÒA	P4	77	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐẮC NHÀ	P4	28	1	3		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	0	0	0	0	20	0	1	CHUYỂN 1 PAX TỪ BK16 SANG BK15
2	BK15	0	0	0	0	20	1		
3	P4	20	20	88	1.367	0	21		
TOTAL		20	20	88	1.367	40	22		
WEIGHT KG				88	1.367	40			

GRAND TOAL: 1.495 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: RC6 - RC4 - RCDM - PVD2	CREW: ĐỨC - TĐông - TDUNG	ETA: 09:40
TRANG - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY HOANG	RC6	09	1	6	30	73	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYENTHANH CONG	RC6	10	1	13	18	73	CODIEN	Vietnamese
3	HOANG TRUNG KIEN	PVD2	49-50	2	20		70	PVD-BHI	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC QUYET	PVD2	47-48	2	9		73	PVD.DD	Vietnamese
5	NGUYEN DUY THAI	PVD2	51	1	8		63	PVD.DD	Vietnamese
6	DANG XUAN HUYNH	PVD2	54	1	6		84	PVDO	Vietnamese
7	TU DUONG VAN	PVD2	52-53	2	10		83	PVDO	Vietnamese
8	LE NGOC MANH	PVD2	46	1	6		72	PVDO	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC THUONG	PVD2	63	1	7		70	PVDO	Vietnamese
10	BUI TUAN VU	PVD2	55	1	9		68	PVDO	Vietnamese
11	HO SI PHUNG	PVD2	58	1	5		68	PVDO	Vietnamese
12	LE MANH HIEN	PVD2	62	1	5		77	PVDO	Vietnamese
13	NGUYEN CONG VI	PVD2	57	1	9		77	PVDO	Vietnamese
14	NGO QUY THINH	PVD2	61	1	10	80	100	PVDO	Vietnamese
15	PHAN DUC THIEN	PVD2	60	1	7		64	PVDO	Vietnamese
16	DANG QUOC THAI	PVD2	59	1	5		62	PVDO	Vietnamese
17	DO PHU DAT	PVD2	56	1	10		75	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	2	2	19	146	48	0		CHUYEN 6 PAX TU RC4 SANG RCDM
2	RC4	0	0	0	0	5	0 + 6		
3	RCDM	0	0	0	0	0	0		
4	PVD2	15	18	126	1.106	80	22		
TOTAL		17	20	145	1.252	133	22		
WEIGHT KG				145	1.252	133			

GRAND TOAL: 1.530 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2021	TO: TGTH4 - TGTH1 - AMD	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Tường - ATUẤN	ETA: 09:50
HONG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HAI	TGTH4	03	1	8		72	HLJOC	Vietnamese
2	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	06-07	2	14		90	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN LOI	TGTH4	05	1	8		58	THIEN PHU	Vietnamese
4	NGUYEN HUE	TGTH4	08-09	2	17		58	THIEN PHU	Vietnamese
5	LE NGOC TAN	TGTH4	04	1	13		63	T-TIN	Vietnamese
6	NGUYEN DINH SONG	TGTH1	85	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO QUANG HUAN	TGTH1	81-82	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN GIANG	TGTH1	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU CUONG	TGTH1	77-79	3	15		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TAN VUONG	TGTH1	83-84	2	10		60	PSV	Vietnamese
11	HO TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	96	1	10	20	60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN SANH	AMD	99	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	VU MANH HA	AMD	400,01	2	14		85	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI BA HUNG	AMD	95	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH HUU TINH	AMD	98	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU BINH	AMD	02	1	8		58	PSV	Vietnamese
17	VU NGOC HUY	AMD	96-97	2	14		61	BDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	5	7	60	341	0	2	4	CHUYEN 1 PAX TU TGTH4 SANG TGTH1
2	TGTH1	5	9	54	348	0	4		
3	AMD	7	9	59	468	20	13		
TOTAL		17	25	173	1.157	20	19		
WEIGHT KG				173	1.157	20			

GRAND TOAL: 1.350 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2021	TO: CLO - P6 - BK4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIRICHENKO K.P	CLO	89	1	4	90	80	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN TRUNG	CLO	89	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
3	VU THE NANG	CLO	08	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TUONG LONG	CLO	02	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
5	ĐANG KIM DUONG	CLO	03	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN LY	CLO	98	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN LONG	CLO	09	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
8	HA QUOC DUNG*PK-PVD	CLO	05	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN BUI QUANG	CLO	04	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN ANH QUANG	CLO	06-07	2	20		82	CODIEN	Vietnamese
11	ĐANG DINH TUAN	CLO	87	1	12	13	75	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN DUY ĐONG	CLO	96	1	8		72	PSV	Vietnamese
13	LE NHO CANG	CLO	93	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	HOANG HUU THU	CLO	95	1	10		76	PSV	Vietnamese
15	VU MANH HUONG	CLO	94	1	5		50	PSV	Vietnamese
16	LAI DINH HAI	CLO	01	1	6		86	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN ĐANG TUNG	CLO	90	1	5		66	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THANH HAU	CLO	80	1	6		73	PSV	Vietnamese
19	NGO THE ANH	CLO	79	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	LUONG MANH HUONG	CLO	97	1	2		66	PSV	Vietnamese
21	HUYNH ĐUC NGHI	CLO	91	1	6		60	PSV	Vietnamese
22	LE VAN THANG	CLO	92	1	14		72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	23	146	1.559	103	19	1	CHUYEN 1 PAX CLO SANG P6
2	P6	0	0	0	0	0	0		
3	BK4	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	23	146	1.559	103	22		
WEIGHT KG				146	1.559	103			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	TO: TD1 - P2 - CTC1	CREW: Hôi - NPhú - Huy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VĂN NAM	TD1	03	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	06	1	10	40	65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LĂNG	TD1					80	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ QUỐC BẢO	TD1	02	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	07	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG ANH TUÂN	TD1	09	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ TOÀN THĂNG-PVD	TD1	04	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	08	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NGỌC QUÂN-PVD	TD1	15-16	2	16		78	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH PHONG *	TD1	11	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	12	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH KHOAN	TD1	13-14	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
14	NIKITIN N.I.	TD1	01	1	5		90	ANTOAN	Russian
15	PHAN THANH TAI	TD1	17	1	6		55	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VŨ QUỐC	TD1	19	1	10		63	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN HUNG DŨNG	TD1	05	1	5		75	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THỦ	TD1	18	1	12		65	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN THÈ HUY	P2	23	1	10	60	65	CODIEN	Vietnamese
20	ĐIỀU QUỐC CHÍNH	P2	21-22	2	17		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	19	129	1.263	40	9		CHUYEN 4 PAX P2 SANG CTC1
2	P2	2	3	27	135	60	9 + 4		
3	CTC1	0	0	0	0	20	1		
TOTAL		20	22	156	1.398	120	19		
WEIGHT KG				156	1.398	120			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: P10 - P5 - TD1	CREW: Phong - VLinH - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIRSAYAPOV R.R.	P10	01	1	6		104	D-HANH	Russian
2	VU NGUYEN TRUNG**	P10					51	KH-THAC	Vietnamese
3	TA QUANG THANH	P5	12-13	2	10		50	YTE	Vietnamese
4	NGUYEN THANH HUNG	P5	04	1	5		55	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TRUNG	P5	01-02	2	18		74	D-HANH	Vietnamese
6	BUI VAN BAC	P5				10	74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN QUANG PHUC	P5	07	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
8	DO HOANG TRONG	P5	05	1	18		88	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN MACH	P5	11	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	DO NGUYEN THINH	P5	06	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU HA	TD1	60,44	2	16		73	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN HUU VIET	TD1	48	1	14		64	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HOANG	TD1	53	1	5		78	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN DUC HUNG	TD1	52	1	5		78	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN SY	TD1	45	1	5		54	PSV	Vietnamese
16	NGO VAN GIAO	TD1	54	1	7		88	PSV	Vietnamese
17	LE VAN TUNG	TD1	46	1	8		62	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN TAI	TD1	51	1	5		66	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN THUAT	TD1	49	1	5		78	PSV	Vietnamese
20	PHAN DINH HOC	TD1	47	1	7	20	77	PSV	Vietnamese
21	HO DUC VIET	TD1	50	1	7		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

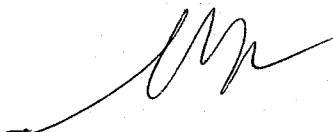
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	2	1	6	155	0	0		
2	P5	8	9	69	547	10	7		
3	TD1	11	12	84	792	20	15		
TOTAL		21	22	159	1.494	30	22		
WEIGHT KG				159	1.494	30			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

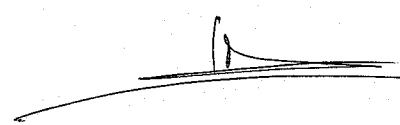
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:59
FLIGHT: 9	TO: P3 - BK3 - P3.	CREW: ĐỨC - TĐông - TDUNG	ETA: 11:40
TRANG - 2			

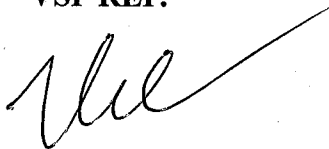
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P3					81	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN ĐẠM	P3	94	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN MINH HOÀI	P3	81	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI SỸ CÔNG	P3	82	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO MẠNH HUNG	P3	87-88	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	95	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THIÊN THANH	P3	92	1	9		89	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	85-86	2	17		59	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	93	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P3	83-84	2	20		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ THANH HIỆU	P3	99-100	2	16		70	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TÙNG	P3	04-05	2	20	50	72	CODIEN	Vietnamese
13	VŨ VĂN TRỌNG	P3	91	1	5		72	NIPI	Vietnamese
14	PHẠM ĐÌNH THẮNG	P3	89-90	2	13		75	NIPI	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN QUYNH	P3	96	1	7		64	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUY	P3	97	1	6		51	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HOÀI	P3	98	1	5		55	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

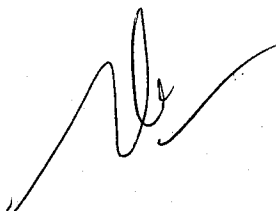
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	17	22	162	1.200	50	0		CHUYEN 7 PAX TU BK3 SANG P3
2	BK3	0	0	0	0	10	0		
3	P3.	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		17	22	162	1.200	60	22		
WEIGHT KG				162	1.200	60			

GRAND TOAL: 1.422 KGS

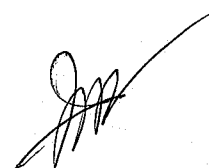
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	TO: P7 - TGTH5 - HSD	CREW: VThắng - N.Anh - Toan	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRUNG TUÂN	P7	57	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P7	65-66	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN THANH	P7	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P7					85	KH-THAC	Vietnamese
5	HUỲNH THANH TAM	P7	52-53	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU HÙNG	P7	54	1	10	60	65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LỢI	P7	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRỌNG AN	P7	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	55	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THIÊN	P7	68	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	P7	70-71	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN HỒNG HAI	P7	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAM VĂN QUANG	P7	73	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ TRUNG KIẾN	P7	59	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VIỆT HÙNG	P7	67	1	6		75	PSV	Vietnamese
16	LÊ VIỆT KHANG	P7	51	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	LÊ VINH QUANG	TGTH5	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TGTH5	64-65	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC THU	HSD	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	HSD	88	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CHÍ CUÔNG	HSD	90-91	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	16	18	118	1,153	60	16		
2	TGTH5	2	3	20	135	0	2		
3	HSD	3	4	22	205	0	4		
TOTAL		21	25	160	1,493	60	22		
WEIGHT KG				160	1,493	60			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

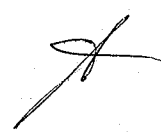
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	TO: PVD2 - P5 - BK5	CREW: Hôi - XTrường - DTùng	ETA: 13:15
HONG - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY LONG	PVD2	69	1	5		68	PVDO	Vietnamese
2	NGO VAN TIEN	PVD2	74	1	5		53	PVDO	Vietnamese
3	NGUYEN HUU DAT	PVD2	72	1	5	70	78	PVDO	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THUONG	PVD2	75	1	5		63	PVDO	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC TUAN	PVD2	76	1	9		50	PVDO	Vietnamese
6	TO HONG DUC	PVD2	70-71	2	14		81	INTERN	Vietnamese
7	LE DINH HUNG	PVD2	85-86	2	17	10	70	PVD O	Vietnamese
8	VU NGOC KHUYEN	PVD2	81-82	2	20	23	67	PVD O	Vietnamese
9	ONG NGOC CONG	PVD2	83-84	2	12		58	PVD O	Vietnamese
10	NGUYEN ANH DUC	PVD2	78-79	2	8		60	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN HUNG LONG	PVD2	80	1	15		56	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC DANG	PVD2	68	1	4		65	PSV	Vietnamese
13	TRAN HUU TRAC	PVD2	73	1	6		65	PSV	Vietnamese
14	LE PHUONG NAM	PVD2	77	1	8		60	PSV	Vietnamese
15	LE ĐỨC THANH	P5	21	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN KHAI	P5	18	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ANH TUAN	P5	19-20	2	8		69	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG BA VINH	P5	14	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU ĐỨC	P5	16-17	2	17	5	82	T-TIN	Vietnamese
20	ĐAO VĂN THĂNG	P5	22	1	10		52	PSV	Vietnamese
21	LE XUAN TINH	P5	15	1	8		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	14	19	133	894	103	12		
2	P5	7	9	60	471	5	8		
3	BK5	0	0	0	0	30	2		
TOTAL		21	28	193	1.365	138	22		
WEIGHT KG				193	1.365	138			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN